

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12/4/2018/

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Điều Hoàng**

Ông Bùi Văn Vinh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Thành** là thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: **Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.**

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-HPT ngày 26/3/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Mai Thị Việt Tr sinh năm 1994**

Nơi cư trú: Tổ 11, ấp 3, xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai..

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H sinh năm 1992**

Nơi cư trú: 184 ấp 2, xã G, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Tr có mặt, anh H vắng mặt)

+ Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn B sinh năm: 1956

Nơi cư trú: 184 ấp 2, xã G, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2017, bản tường trình, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Việt Tr trình bày:**

Chị Mai Thị Việt Tr và anh Nguyễn Văn H quen biết tìm hiểu nhau được thời gian thì hai bên tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/4/2016. Đây là hôn nhân lần đầu của chị Tr và anh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 08/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh

H không quan tâm đến gia đình và chị Tr. Từ khoảng tháng 02/2017 đến nay chị Tr và anh H không sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Tr xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị Tr và anh H không có con chung.

Về tài sản: Chị Tr và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh H không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26/3/2018 cho bị đơn anh Nguyễn Văn H nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị Việt Tr và anh Nguyễn Văn H khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/4/2016 (BL 06) nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Trong cuộc sống hôn nhân chị Tr xác định giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Chị Tr và anh H không còn sống chung, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 24, 25). Điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (BL 27, 37)

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy anh H không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh H tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Tr yêu cầu xin ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị Tr và anh H không có con chung.

Về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Tuyên xử: Xử cho chị Mai Thị Việt Tr và anh Nguyễn Văn H ly hôn

Về con chung: Chị Tr và anh H không có con chung.

Về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Mai Thị Việt Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 004562 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND HDQ;
- THADS HDQ;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường

